TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 573/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 17/11/2020.
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Ngọc Diệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đàm Thu Ánh.

2. Bà Bùi Thụy Thanh Thảo.

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Nguyễn Đức Vũ – Thư ký Toà án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tham gia phiên toà***: Bà Trương Võ Thùy Dung - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 17 tháng 11 năm 2020 tại Trụ sở Toà án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai Vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 127/2020/TLST – HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2020 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/QĐST-HNGĐ ngày 05 ngày 10 tháng 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2020/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2020 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị Thu Th, sinh năm 1976; HKTT: đường L, Phường E, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; (Vắng mặt – Có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Lợi V (tên gọi khác: Trần Lợi V), sinh năm 1974; Địa chỉ thường trú: đường T, Phường M, Quận H; (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Bà Võ Thị Thu Th và Ông Nguyễn Lợi V (tên gọi khác: Trần Lợi V) chung sống với nhau từ năm 2002. Vợ chồng chung sống có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 16, quyển số 01 do Uỷ ban nhân dân Phường M, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/01/2002. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có ba con chung là Trần Bội N (nữ, sinh ngày: 16/10/2002); Trần Bội Ng (nữ, sinh ngày 08/12/2005) và Trần Triều K (nam, sinh ngày 21/11/2011).

** Theo đơn khởi kiện nộp ngày 08/4/2020, bản tự khai, biên bản hòa giải, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – Bà Võ Thị Thu Th – trình bày:*

Trong quá trình chung sống, từ khoảng năm 2012 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do không chung quan điểm, không thể chia sẻ cùng nhau, không nói chuyện được. Khi mâu thuẫn lên cao, ông V thường xuyên chửi bới, nhục mạ bà T. Càng về sau, ông V thường xuyên nhậu nhẹt, kiếm cớ đánh bà T càng lúc càng nhiều. Bà T không còn cảm giác an toàn khi ở với ông V, do đó bà T cùng các con đã chuyển về nhà cha mẹ được 06 tháng.

Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng giữa bà và ông V không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, không thể hàn gắn với nhau được nên bà T yêu cầu Tòa án cho bà ly hôn với ông V để hai bên không còn bị ràng buộc về mặt pháp lý, ổn định cuộc sống để chăm sóc, nuôi dạy con chung.

Về con chung: Bà T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng ba con chung là Trần Bội N, Trần Bội Ng, Trần Triều K; không yêu cầu ông V thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: bà T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn - Ông Nguyễn Lợi V*: đã được Toà án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập để Toà án lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông V đều vắng mặt nên Tòa án không thể lấy lời khai, ý kiến và yêu cầu của ông V. Ông V cũng không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án.

* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn – Bà Võ Thị Thu Th – giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trong đơn khởi kiện đã nêu và có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn – Ông Nguyễn Lợi V – vắng mặt tại phiên tòa.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự tố tụng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, thẩm phán chưa đảm bảo thời hạn tống đạt thông báo thụ lý cho bị đơn, quyết định gia hạn xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử.

- Về nội dung vụ án:

+ Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Bà Võ Thị Thu Th.

+ Về con chung: Giao trẻ K, Ng cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận việc bà T không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con. Riêng trẻ N đã thành niên, muốn ở với cha, mẹ tùy ý.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Nguyên đơn chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Võ Thị Thu Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với Ông Nguyễn Lợi V, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình. Ông Nguyễn Lợi V, sinh năm: 1974 hiện cư ngụ đường T, Phường M, Quận H, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11 theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Võ Thị Thu Th có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; Ông V đã được Tòa án tống đạt xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do. Do đó, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà T, ông V.

Ngoài các tài liệu, chứng cứ đã được công khai tại Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 25/8/2020 thì các đương sự không bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà T và ông V chung sống có đăng ký kết hôn nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo lời trình bày của bà T: Cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông V từ năm 2012 trở lại đây không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn về mặt tình cảm. Do ông V thường xuyên sử dụng rượu bia, đánh vợ, gây ảnh hưởng đến cuộc sống và gây bất ổn tâm lý cho bà T. Bà T cùng các con đã phải chuyển đi nơi khác sinh sống.

Theo kết quả xác minh của Công an Phường M, Quận H, và lời trình bày của bà T, Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông V lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc kéo dài quan hệ hôn nhân này không còn ý nghĩa và không mang lại hạnh phúc cho hai bên.

Do vậy bà T yêu cầu ly hôn với ông V là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung:

Căn cứ kết quả cung cấp thông tin của Công an Phường M, Quận H; Sổ hộ khẩu; Giấy chứng nhận hộ khẩu thường trú số 563060 ngày 10/3/1982 của Công an Quận 11; Công V số 614/UBND ngày 21/9/2020 của Ủy ban nhân dân Phường 6, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh; Bản sao hồ sơ đăng ký khai sinh của Trần Bội N, Trần Bội Ng, Trần Triều K; Biên bản lấy lời khai của trẻ tại

Tòa án nhân dân Quận 11 nêu nguyện vọng khi cha mẹ ly hôn thì muốn được sống với mẹ.

Ông Nguyễn Lợi V đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có ý kiến phản hồi về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Hội đồng xét xử có căn cứ xác định: Ông Nguyễn Lợi V và Bà Võ Thị Thu Th có ba con chung gồm: Trần Bội N (nữ, sinh ngày: 16/10/2002); Trần Bội Ng (nữ, sinh ngày 08/12/2005) và Trần Triều K (nam, sinh ngày 21/11/2011).

Trần Bội N đến thời điểm xét xử đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Trần Bội Ng, Trần Triều K hiện đang sống với mẹ, được đi học, cuộc sống ổn định. Bà T là người có chỗ ở, có khả năng đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, phù hợp với nguyện vọng của con chưa thành niên. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con: bà T tự nguyện không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con. Sự tự nguyện này không vi phạm pháp luật và đạo đức nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung:

Bà T khai không có. Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với tài sản chung và nợ chung trong vụ án này.

[5] Về án phí:

Bà T chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Bà Võ Thị Thu Th.

- Bà Võ Thị Thu Th được ly hôn với Ông Nguyễn Lợi V. Giấy chứng nhận kết hôn số 16, quyển số 01 do Uỷ ban nhân dân Phường M, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/01/2002 không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Có 03 con chung là Trần Bội N (nữ, sinh ngày: 16/10/2002); Trần Bội Ng (nữ, sinh ngày 08/12/2005) và Trần Triều K (nam, sinh ngày 21/11/2011);

Trần Bội N đã thành niên nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Giao con chung là Trần Bội Ng (nữ, sinh ngày 08/12/2005) và Trần Triều K (nam, sinh ngày 21/11/2011) cho Bà Võ Thị Thu Th được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của Bà Võ Thị Thu Th không yêu cầu Ông Nguyễn Lợi V thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Lợi V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Võ Thị Thu Th chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0015445 ngày 21/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 11. Bà Võ Thị Thu Th đã nộp đủ án phí.

Các quyền và nghĩa vụ thi hành án dân sự của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Quận 11;
- VKSND TPHCM;
- TANDTPHCM:
- Chi cục THADS Quận 11;
- UBND Phường M, Quận H, TP.Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Ngọc Diệp